TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **560**/2023/HS-PT
Ngày: 30/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Chí Công**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Việt Cường** và ông **Nguyễn Tấn Long**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 444/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn S về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Lê Văn S, sinh ngày 24/11/1995 tại T, Q, Thanh Hoá; nơi cư trú: tổ dân phố B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Đoàn Thị T2 sinh năm 1969; tiền án: không; tiền sự: ngày 24/02/2022, bị Ủy ban nhân dân thành phố P1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Không đăng ký ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự" và "Phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan" với mức phạt tiền 16.500.000 đồng (đã nộp phạt ngày 28/02/2022).

Ngày 05/01/2023, bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 04/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2022, Lê Văn S từ huyện Q, tỉnh Thanh Hoá chuyển đến sinh sống và thuê nhà ở trọ tại 172/11 đường T3, phường T4, thành phố P1, tỉnh Gia Lai với mục đích thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi suất. S sử dụng 03 sim số điện thoại 0707768386 (sim đăng ký chính chủ), 0896475552 và 0773480226 (sim không đăng ký chính chủ, mua tại một cửa hàng điện thoại tại tỉnh Thanh Hóa, đã được kích hoạt sẵn) lên mạng xã hội Facebook lập các trang có tên "Tiền Nhanh - TP P1 0773480226", "Cho Vay Góp Ngày P1 0896475552", "Hỗ Trợ Tài Chính -TP P1 – 0896475552" và phát các tờ rơi trên đường với nội dung tương tự để những người có nhu cầu vay liên hệ. Khi người có nhu cầu vay thì S đến nhà xác minh thông tin, địa chỉ. Sau đó S cho vay các gói vay gốc từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ/gói vay, trả góp lãi và gốc theo ngày, trong thời hạn vay từ 20, 21, 22 hoặc 25 ngày/gói vay, số tiền trả góp hàng ngày từ 300.000đ đến 3.000.000đ/ngày, lãi suất tương ứng từ 300% đến 763,5%/năm. S yêu cầu người vay cho xem các giấy tờ tùy thân (Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Giấy phép lái xe; Hộ khẩu) rồi trả lại, cho vay tín chấp hoặc có lúc yêu cầu thế chấp giấy tờ tùy thân. Tiền vay gốc chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho người vay. S thu trước của khách hàng tiền trả góp 02 ngày (ngày đầu, ngày cuối) và tiền phí (tương đương 01 ngày trả góp). Khách hàng vay trả góp hàng ngày chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của S mở tại ngân hàng TMCP Quân đội số 2411199599999. Đối với những người vay chưa trả góp đủ kỳ vay mà có nhu cầu, S cho đáo hạn lại khoản vay, tuy nhiên số tiền thực nhận của kỳ vay mới - Số tiền vay gốc (sau khi trừ tiền trả góp ngày đầu + ngày cuối - tiền phí) trừ đi số ngày trả góp còn thiếu của kỳ vay cũ. Quá trình cho vay, S không theo dõi sổ sách, căn cứ vào các lần trả góp qua chuyển khoản ngân hàng và Ghi chú trong điện thoại cá nhân. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 04/01/2023, S đã cho 18 người vay; số tiền trả góp gốc, lãi qua chuyển khoản là 882.600.000đ, trong đó thu lợi bất chính 178.742.742đ, nợ gốc chưa thu 4.444.000đ. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 03/9/2022 đến 22/11/2022, chị Đinh Thị Minh C (trú tại tổ 3 phường Đ1, thành phố P1) vay trả góp gói 50.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị C đã trả tiền gốc, tiền lãi 183.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính là 36.084.276đ.

2. Từ ngày 11/7/2022 đến 04/01/2023, anh Vũ Minh T5 (trú tại P1) vay trả góp các gói 5.000.000đ, 10.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Anh T5 đã trả tiền gốc, tiền lãi 29.700.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 4.730.089đ.

3. Từ ngày 22/10/2022 đến 04/01/2023, anh Trần Ngọc Ng (trú tại P1) vay trả góp gói vay 6.000.000đ, lãi suất 763,6%/năm. Anh Ng đã trả tiền gốc, tiền lãi 22.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 6.689.015đ.

4. Từ ngày 22/8/2022 đến 15/12/2022, chị Võ Thị Ánh T6 (trú tại P1) vay trả góp các gói 10.000.000đ, 8.000.000đ, 16.000.000đ, lãi suất 613,6%/năm. Chị T6 đã trả tiền gốc, tiền lãi 92.4000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 23.837.215đ.

5. Từ ngày 23/8/2022 đến 04/01/2023, Nguyễn Hữu T7 (trú tại P1) vay trả góp các gói 15.000.000đ, 10.000.000đ lãi suất 360%/năm. Anh T7 đã trả tiền gốc, tiền lãi 33.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 6.306.785đ.

6. Từ ngày 26/9/2022 đến 17/10/2022, chị Lê Thị Thu H2 (trú tại huyện Đ3) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị H2 đã trả tiền gốc, tiền lãi 9.200.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 1.814.073đ.

7. Từ ngày 02/9/2022 đến 16/9/2022, chị Tô Thị Thu Th1 (trú tại P1) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Th1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 7.700.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 1.518.300đ. Số tiền chị Th1 còn nợ chưa trả 2.460.000đ.

8. Từ ngày 30/3/2022 đến 02/6/2022, chị Phạm Thị S1 (trú tại P1) vay gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị S1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 47.200.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 9.306.983đ.

9. Từ ngày 13/01/2022 đến 07/3/2022, chị Lê Thị H3 (trú tại P1) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 300%/năm. Chị H3 đã trả tiền gốc, tiền lãi 11.800.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 1.879.295đ.

10. Từ ngày 01/01/2022 đến 16/12/2022, anh Vũ Trịnh Tấn M1 (trú tại P1) vay trả góp gói 20.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Anh M1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 61.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 11.657.997đ.

11. Từ ngày 18/3/2022 đến 11/9/2022, chị Nguyễn Thị P2 (trú tại P1) vay trả góp các gói 10.000.000đ, 15.000.000đ, 20.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Chị P2 đã trả tiền gốc, tiền lãi 99.500.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 19.015.913đ.

12. Từ ngày 01/10/2022, anh Trần Ngọc C1 (trú tại P1) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm, sau đó anh Chánh đáo hạn vay nhưng không nhớ ngày. Anh C1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 10.100.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 1.991.537đ. Số tiền anh C1 còn nợ chưa trả 1.984.000đ.

13. Từ ngày 04/10/2022 đến 29/12/2022, chị Dương Thị D1 (trú tại P1) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Chị D1 đã trả tiền gốc, tiền lãi 19.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 3.631.179đ.

14. Từ ngày 26/9/2022 đến 03/01/2023, chị Trần Thị Thanh N2 (trú tại huyện C2) vay trả góp gói 7.000.000đ, lãi suất 420%/năm. Chị N2 đã trả tiền gốc, tiền lãi 15.000.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 2.931.873đ.

15. Từ ngày 05/7/2022 đến 03/01/2023, chị Nguyễn Thị Thu U (trú tại P1) vay trả góp gói 14.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Chị U đã trả tiền gốc, tiền lãi 66.950.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 12.795.129đ.

16. Từ ngày 40/6/2022 đến 30/12/2022, chị Lưu Thị H4 (trú tại P1) vay trả góp các gói 10.000.000đ, 20.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị H4 đã trả tiền gốc, tiền lãi 154.700.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 30.504.030đ.

17. Từ ngày 19/9/2022 đến 04/01/2023, chị Nguyễn Thị Phương C3 (trú tại P1) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 720%/năm. Chị C3 đã trả tiền gốc, tiền

lãi qua chuyển khoản và bằng tiền mặt nhưng không nhớ trả bàng tiền mặt bao nhiêu. Qua sao kê tài khoản chỉ xác định chị C3 trả tiền gốc, lãi là 3.200.000đ và số tiền S thu lợi bất chính 667.385đ. Hiện chi C3 không còn nợ tiền vay của S.

18. Từ ngày 22/7/2022 đến 29/12/2022, ông B (không rõ lai lịch địa chỉ) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Ông B đã trả tiền gốc, tiền lãi 17.150.000đ; số tiền S thu lợi bất chính 3.381.668đ.

Tổng cộng Lê Văn S đã cho 18 cá nhân vay và thu tiền gốc và lãi là 882.600.000đ; thu lợi bất chính 178.742.742đ.

Qua điều tra, S khai đã dùng khoảng 100.000.000đ tiền gốc ban đầu của cá nhân để cho vay. Sau khi thu được tiền lãi thì S sử dụng tiền lãi và gốc thu được tiếp tục xoay vòng cho người khác vay. Tổng số tiền thu lợi bất chính 178.742.742đ S một phần sử dụng cho người khác vay lại, còn lại S dùng tiêu xài cá nhân

Về dân sự, những người liên quan Dương Thị Minh C, Lưu Thị H4 yêu cầu bị can phải trả lại cho họ khoản lãi suất S đã thu (khoản S thu lời bất chính). Số còn lại không thể hiện yêu cầu gì

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 15/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai: áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn S **18 (mười tám)** tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 đến ngày 04/4/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2023, Lê Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2023, bị cáo Lê Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản luật áp dụng:

Với mục đích cho vay tiền nhằm lấy tiền lãi quay vòng cho vay lại và tiêu xài cá nhân, khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2023, Lê Văn S cho 18 người vay bằng hình thức vay trả góp theo các gói vay từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, với mức lãi suất tương ứng từ 300% đến 763,5 %, vượt gấp từ 15 lần đến 38,1 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc S sử dụng cho 18 người vay, số tiền trả góp gốc, lãi qua chuyển khoản là 882.600.000đ (theo gói vay lớn nhất đối với từng người vay là 238.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.310.101 đồng), thu lợi bất chính là 178.742.742 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Lê Văn S tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" với tình tiết định khung "Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng, lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tài chính ngân hàng, xâm phạm trực tiếp lợi ích chính đáng của những người thật sự khó khăn về tài chính qua việc lấy lãi cao hơn nhiều lần so với mức lãi suất mà pháp luật quy định. Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng có số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần từ 30.000.000 đồng trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo đã bị UBND thành phố P1 xử phạt 16.500.000 đồng về hành vi *không đăng ký ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền không cầm cố tài sản nhưng lãi suất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự"; "Phát tờ rơi quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan"* nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân còn phạm tội nên cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm khắc. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, bị cáo đầu thú và rất thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, thể hiện bị cáo đã nhận thức và ăn năn về hành vi phạm tội của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Văn S 18 tháng tù theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự cũng là phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo xuất trình thêm chứng cứ thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã nộp lại 30.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, thể hiện bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi của mình và có ý thức trong việc chấp hành bản án của Tòa án. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải, tự nguyện sửa chữa sai lầm của

mình; đồng thời tạo động lực để bị cáo cải tạo tốt, sớm được tái hoà nhập với cộng đồng, trở về với gia đình, thành công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm (quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án).

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn S, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 15/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Lê Văn S 09 (chín)** tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2023 đến ngày 04/4/2023.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GĐKT I;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công